

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN NGÀY

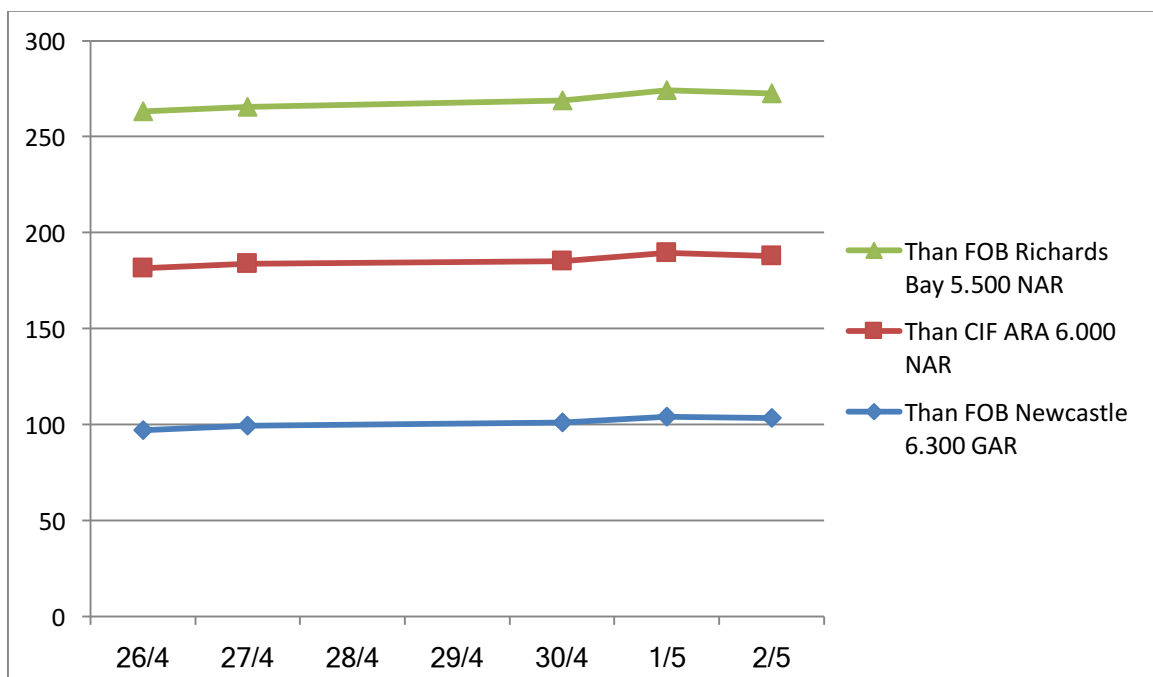
Ngày 04/05/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	103,45	-0,65	101,30	-1,30
CIF ARA 6.000 NAR	84,20	-1,05	84,60	-1,25
FOB Richards Bay 5.500 NAR	84,90	+0,10	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	76,25	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	61,75	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	51,50	+0,10	326,21	+1,66
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	69,75	+0,10	441,81	+2,02
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	81,50	0,00	516,23	+1,62

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 02/05/2018)

ĐIỂM TIN

Sản lượng than của Glencore trong quý I ổn định so với cùng kỳ năm 2017

Sản lượng than của Glencore trong quý I vừa qua ổn định so với cùng kỳ năm trước nhờ các mỏ ở Australia cho sản lượng cao bù đắp cho mỏ Colombia Prodeco. Sản lượng than của công ty đạt 30,7 triệu tấn trong quý I, giảm 1% so với cùng kỳ năm 2017. Các mỏ than tại Australia đã hồi phục sau khi bị ảnh hưởng trong quý IV năm 2017, đã bù đắp cho sản lượng sụt giảm tại Prodeco. Xuất khẩu than nhiệt của Glencore đạt 14,2 triệu tấn, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước, sản lượng than tiêu thụ nội địa đạt 2,4 triệu tấn, tăng 50% so với cùng kỳ năm trước. Tổng sản lượng từ mỏ Prodeco đạt 3 triệu tấn, giảm 29% so với cùng kỳ năm trước, sản lượng than Glencore sở hữu tại mỏ Cerrejon Colombian đạt 2,4 triệu tấn, giảm 14% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng tại các mỏ than nhiệt Nam Phi của công ty cũng giảm, xuất khẩu đạt 4 triệu tấn, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước, than thương phẩm nội địa đạt 2,5 triệu tấn, giảm 4% so với cùng kỳ năm trước.

Glencore có 16 mỏ than đang được khai thác tại Australia trong 12 khu tổ hợp ở Queensland và New South Wales. Công ty có cổ phần tại 2 mỏ than tại Colombia, tại Nam Phi công ty có cổ phần trong các mỏ Goedgevonden, iMpunzi, Izimbiwa và Tweentein. Glencore gần đây đã đồng ý mua lại 82% cổ phần của Rio Tinto tại mỏ than Hail Creek ở Queensland cùng các mỏ lân cận, cũng như 71,2% cổ phần tại mỏ than Valeria với tổng trị giá khoảng 1,7 tỉ USD. Công ty cho biết chỉ tiêu sản lượng than của năm 2017-2018 vào khoảng 134 triệu tấn.

Giá than nhiệt của Indonesia hồi phục trở lại

Giá than nhiệt Indonesia đã có dấu hiệu tăng trở lại trong một số hồ sơ mời thầu hôm 02/05 vừa qua, trước đó thị trường khá yên ắng do đợt nghỉ lễ. Giá than đã dần hồi phục trở lại sau khi chịu ảnh hưởng từ lệnh hạn chế nhập khẩu tại Trung Quốc cũng như mức dự trữ than trong kho cao. Hiện giá than Indonesia nhiệt trị 4.200 kcal/kg GAR được giao dịch ở mức 42,50 USD/tấn, điều kiện FOB, thị trường có thể ổn định trong ngắn hạn do chưa thấy xuất hiện yếu tố khiến giá than tăng lên. Một công ty tại Indonesia cho biết giá than tăng do nhu cầu mua than từ Trung Quốc và Ấn Độ, tuy nhiên tốc độ tăng giá sẽ chậm do nhu cầu không cao như trước đây, cụ thể giá than chỉ tăng khoảng 50 cents so với tuần trước đó. Giá mời thầu cho loại than nhiệt trị 3.400 kcal/kg NAR (~3.800 kcal/kg GAR) giao trong tháng 5, vận chuyển bằng tàu chứa cầu hiện ở mức 34 USD – 34,50 USD/tấn, điều kiện FOB. Các công ty đánh giá mức giá hợp lý cho loại than trên ở mức 34,50 USD/tấn, điều kiện FOB, lưu ý thêm mức giá cao nhất được giao dịch đối với loại than trên là 35,50 USD/tấn, điều kiện FOB.

Trong số các mặt hàng than, giá than nhiệt trị 4.200 kcal/kg GAR tăng cao nhất. Giá mời thầu tại Ấn Độ cho loại than nhiệt trị 4.200 kcal/kg GAR giao trong tháng 5 đạt mức 42 USD/tấn, điều kiện FOB, trong khi giá mời thầu của các công ty Trung Quốc cho loại than này ở mức 42,50 USD - 43 USD/tấn, điều kiện FOB. Trước mùa mưa, khoảng cách giá đưa ra giữa khách hàng Trung Quốc và Ấn Độ khá lớn, tuy nhiên hiện tại giá mời thầu từ Ấn Độ đang gần bắt kịp giá mời thầu từ Trung Quốc. Mức giá chào bán cho than 4.200 kcal/kg GAR, giao hàng trong tháng 5 tiếp tục dao động trong khoảng từ 43,50 USD - 44 USD/tấn, điều kiện FOB.

Một công ty từ Tây Ấn Độ cho biết mức giá than đưa ra của các công ty Ấn Độ chỉ thấp hơn giá mời thầu của các công ty Trung Quốc từ 50 cents - 1 USD/tấn. Trong tuần trước, một đơn hàng than nhiệt trị 3.800 kcal/kg GAR, vận chuyển bằng tàu không chứa cầu, giao trong nửa đầu tháng 5 đã được giao dịch ở mức 34 USD/tấn, điều kiện FOB, tuy nhiên hiện nay giá đã tăng lên. Giá thầu cho loại than này trong tuần hiện tại đạt 34 USD - 34,50 USD/tấn, điều kiện FOB, tuy nhiên hiện tại vẫn chưa có giao dịch nào được thực hiện. Nhu cầu mua than 4.200 kcal/kg GAR tại Ấn Độ vẫn khá cao do nước này chuẩn bị bước vào mùa hè và các NMNĐ cần phải bổ sung than. Các cảng tại miền Tây Ấn Độ được dự đoán sẽ tạm dừng hoạt động vào giữa tháng 5 khi mùa mưa bắt đầu, do vậy các NMNĐ có xu hướng muốn mua được hàng trước thời điểm trên.

Số lượng tàu than xuất cảng tại Colombia tăng

Tính đến ngày 2/5, đã có 12 tàu xuất cảng từ các cảng lớn của Colombia, tăng từ con số 9 tàu trong tuần trước đó, Nam Phi tiếp tục là điểm đến của hầu hết các con tàu này. Ngoài ra, 3 tàu khởi hành

đến Nam Châu Âu, giảm từ 4 tàu trong tuần trước đó, tương ứng với các điểm đến là Thổ Nhĩ Kỳ, Bồ Đào Nha và Ý. Tổng khối lượng than của các tàu đạt 1,42 triệu tấn, tăng từ con số 1,08 triệu tấn trong tuần trước đó. Chỉ có 1 tàu đến những cảng than lớn của Tây Bắc Âu là Amsterdam, Rotterdam, Antwerp và không có tàu nào cập cảng từ những tuần trước đó, nguyên nhân do các công ty tại Tây Bắc Âu ưa thích loại than phối trộn Mỹ, Nga nhờ tính kinh tế. 5 tàu khởi hành đến Nam Phi trong tuần tính đến ngày 2/5, tăng từ con số 4 tàu tuần trước đó. 18 tàu ở ngoài khơi khu vực cảng than Colombian, tăng từ con số 10 tuần trước đó.

(Nguồn: www.platts.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	<i>Đơn vị: USD/tấn</i>
				Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	8,90	+0,40
	Queensland	Nhật Bản	10,40	+0,45
	New South Wales	Hàn Quốc	10,95	+0,45
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	13,00	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,20	+0,20
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	13,20	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,75	+0,15
	Úc	Trung Quốc	12,15	+0,05
	Úc	Ấn Độ	13,75	+0,00

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 02/05/2018)